

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2018/HS-PT
Ngày 30-5-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nông Biên Hòa.

Các Thẩm phán: Ông Mã Văn Quân,

Bà Phùng Thị Ương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Duy Phong - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa:

Bà Nông Diệu Linh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 5 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 10/2018/TLPT-HS ngày 02 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo Phan Văn Đ và các bị cáo khác do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 08/2018/HS-ST ngày 11 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Cao Bằng.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. **Phan Văn Đ** - Sinh ngày 04/4/1978 tại huyện P, tỉnh Cao Bằng. Nơi cư trú: Xóm B, xã ĐS, huyện P, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Mù chữ; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phan Văn V1, Sinh năm 1957 và bà Nông Thị S, Sinh năm 1958; có vợ: Lương Thị Đ, Sinh năm 1979; có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 12/12/2017; có mặt.

2. **Phan Văn V** - Sinh ngày 13/11/1985 tại huyện P, Cao Bằng. Nơi cư trú: Xóm B, xã ĐS, huyện P, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phan Văn V1, Sinh năm 1957 và bà Nông Thị S, Sinh năm 1958; có vợ: Mông Thị N, Sinh năm 1986; có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 12/12/2017; có mặt.

3. **Phan Văn A** - Sinh ngày 07/6/1988 tại huyện P, Cao Bằng. Nơi cư trú: Xóm B, xã ĐS, huyện P, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phan Văn V1, Sinh năm 1957 và Nông Thị S, Sinh năm 1957; có vợ: Nông Thị C, Sinh năm 1988; có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 12/12/2017; vắng mặt.

4. **Phan Văn Z** - Sinh ngày 18/02/1982 tại huyện P, Cao Bằng. Nơi cư trú: Xóm B, xã ĐS, huyện P, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 02/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn Bà, Sinh năm 1939 và bà Lương Thị N, Sinh năm 1942; có vợ: Phan Thị Bi, Sinh năm 1984; có 03 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 12/12/2017; vắng mặt.

5. **Long Văn T** - Sinh ngày 01/11/1981 tại huyện P, Cao Bằng. Nơi cư trú: Xóm B, xã ĐS, huyện P, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Mù chữ; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Long Văn S, Sinh năm 1944 và bà Thạch Thị C, Sinh năm 1949; có vợ: Mông Thị L, Sinh năm 1980; có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 12/12/2017; vắng mặt.

6. **Long Văn Th** - Sinh ngày 15/8/1984 tại huyện P, Cao Bằng. Nơi cư trú: Xóm B, xã ĐS, huyện P, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 01/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Long Văn S, Sinh năm 1944 và bà Thạch Thị C, Sinh năm 1949; có vợ: Lương Thị L, Sinh năm 1985; có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 12/12/2017; vắng mặt.

Người bào chữa cho các bị cáo Phan Văn Đ, Phan Văn V:

Luật sư Nguyễn Thị T1 thuộc Văn phòng Luật sư Nguyễn Thị T1, đoàn Luật sư tỉnh Cao Bằng, bào chữa theo yêu cầu của các bị cáo Phan Văn Đ, Phan Văn V; có mặt.

Bị hại: Bà Lương Thị D, Sinh năm 1980, nơi cư trú: Xóm B, xã ĐS, huyện P, tỉnh Cao Bằng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do trước đây Phan Văn Đ và Lương Thị S (là chị gái của Lương Thị D1)

có quan hệ nam nữ bất chính và Đ có cho S một số tiền, nay mối quan hệ đó đã chấm dứt, Đ đòi lại tiền nhưng S không trả nên nảy sinh ý định đi chặt phá mía của chị Lương Thị D1 mục đích để trả thù chị S. Nên khoảng 17 giờ, ngày 01 tháng 10 năm 2017 Phan Văn Đ gọi điện thoại cho Phan Văn V với nội dung là: Tôi nay đi chặt mía của bà D1. Khoảng 19 giờ Phan Văn Đ đi bộ từ nhà đến nhà V, khoảng 05 phút sau thì có Phan Văn Z và Long Văn Đ2 đến cùng uống rượu ở đó. Một lát sau V gọi điện thoại cho Long Văn T và Long Văn Th đến nhà V uống rượu. Khi T và Th đến thì Đ và V nói muốn cho bà D1 một bài học, mọi người đều đồng tình và nhất trí tham gia. Sau đó ai về nhà lấy dao và hẹn gặp nhau ở đoạn đường gần đám mía C.O của chị D1. Trước khi đi V thấy Phan Văn A đang đứng ở trước cửa nhà nên rủ A tham gia, A đồng ý và cầm 01 con dao dạng liềm do Trung Quốc sản xuất đi cùng mọi người. Khi Đ, V, A, Z đến địa điểm hẹn nhưng không thấy T và Th nên V gọi điện thoại cho T và Th thì biết được T và Th đang chặt phá đám mía C.O. Nghe vậy, tất cả mọi người cùng đi mỗi người một góc vào đám mía của chị D1 để chặt phá. Riêng Long Văn Đ2 khi bước vào đám mía thì nghĩ lại và không thực hiện hành vi chặt phá mà lạng lẽ bỏ về nhà. Đến khoảng 21 giờ Phan Văn Đ cùng đồng bọn chặt phá xong đám mía ở C.O, không thấy Đ2 đâu nên V đã gọi điện thoại cho Đ2 thì được biết Đ2 đã về nhà ngủ. Sau đó, Đ và những người khác tiếp tục đi theo đường ruộng đến đám mía TS của chị D1 để thực hiện hành vi chặt phá. Đến 22 giờ 30 phút thì Đ cùng đồng bọn chặt phá xong đám mía TS rồi về nhà V uống rượu, V gọi điện thoại cho Đ2 đến uống rượu và tất cả đồng ý thống nhất khi bị lực lượng chức năng hỏi vụ việc thì nhất quyết không khai, sau đó ai về nhà nghỉ ngơi.

Khoảng 06 giờ 30 phút ngày 02/10/2017, chị Lương Thị D1 đến đám mía C.O để lấy cỏ cho trâu thì phát hiện đám mía của mình đã bị chặt phá hoàn toàn nên đã gửi đơn trình báo cho chính quyền địa phương và Công an huyện P.

Tại biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 02/10/2017 thể hiện: Đám mía C.O có tổng diện tích 1.240m^2 bị chặt phá hoàn toàn, vết chặt của các cây có chiều hướng từ trên xuống dưới, thân đổ về nhiều hướng khác nhau; độ cao trung bình từ vết chặt đến mặt đất là 0,9m; đường kính trung bình của cây mía có kích thước là 2,55cm; trọng lượng trung bình của cây mía (bỏ ngọn) là: 1kg; bình quân 1m^2 trồng 15 hốc mía.

Tại biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 03/10/2017 thể hiện: Đám mía có tên gọi TS có tổng diện tích là: $2.537,5\text{m}^2$; đám mía đã bị chặt phá gần như hoàn toàn, vết chặt các cây mía có chiều hướng từ trên xuống dưới có chiều hướng vào nhau, chiều cao trung bình của các cây mía đã cắt ngọn có kích thước là: 0,11m; trọng lượng trung bình của 01 hốc mía trừ ngọn: 10kg; độ cao trung bình từ vết chặt đến mặt đất có kích thước: 0,9m; trung bình mỗi hốc mía có: 07 cây mía; bình quân 1m^2 trồng 04 hốc mía.

Ngày 17/10/2017 Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện P ra quyết định trưng cầu Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự đối với 02 đám ruộng mía nêu trên.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 17/KL-ĐG ngày 05/12/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện P kết luận: Cả 02 đám ruộng mía của chị Lương Thị D1 có tổng diện tích là $3.777,5m^2 \times 06 \text{ tấn} = 22.665kg \times 1.080đ = 24.478.200đ$.

Tại bản Cáo trạng số 08/CT-VKSPH ngày 01/3/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Cao Bằng truy tố Phan Văn Đ, Phan Văn V, Phan Văn A, Phan Văn Z, Long Văn T, Long Văn Th về tội Hủy hoại tài sản hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản quy định tại khoản 1 Điều 143 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2018/HS-ST ngày 11 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Cao Bằng đã quyết định:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Phan Văn Đ, Phan Văn V, Phan Văn A, Phan Văn Z, Long Văn T, Long Văn Th phạm tội “Hủy hoại tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 143; điểm h, p khoản 1 Điều 46; điểm đ khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999:

- Xử phạt: Phan Văn Đ 15 (mười năm) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

- Xử phạt: Phan Văn V 12 (mười hai) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 143; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999.

- Xử phạt: Phan Văn A 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (hai mươi tư) tháng.

- Xử phạt: Phan Văn Z 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (hai mươi tư) tháng.

- Xử phạt: Long Văn T 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (hai mươi tư) tháng.

- Xử phạt: Long Văn Th 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (hai mươi tư) tháng.

Thời gian thử thách của các bị cáo được tính từ ngày Tòa tuyên án sơ thẩm. Giao các bị cáo Phan Văn A, Phan Văn Z, Long Văn T, Long Văn Th cho Ủy ban nhân dân xã ĐS, huyện P, tỉnh Cao Bằng phối hợp cùng gia đình giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt.

Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 585, Điều 587, Điều 598 Bộ luật dân sự.

Buộc các bị cáo Phan Văn Đ, Phan Văn V, Phan Văn A, Phan Văn Z, Long Văn T, Long Văn Th phải liên đới bồi thường thiệt hại 02 đám ruộng mía cho chị Lương Thị D1 trú tại Xóm B, xã ĐS, huyện P, tỉnh Cao Bằng số tiền là 24.478.200đ (hai mươi bốn triệu bốn trăm bảy mươi tám nghìn hai trăm nghìn đồng). Cụ thể từng bị cáo phải chịu như sau:

- Phan Văn Đ: 5.000.000 đồng.
- Phan Văn V: 5.000.000 đồng.
- Phan Văn A: 3.619.500 đồng.
- Phan Văn Z: 3.619.500 đồng.
- Long Văn T: 3.619.500 đồng.
- Long Văn Th: 3.619.500 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về việc xử lý vật chứng, nghĩa vụ nộp án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 16/4/2018, các bị cáo Phan Văn Đ và Phan Văn V có đơn kháng cáo với nội dung: “Không nhất trí với bản án của Tòa án nhân dân huyện P về phần hình phạt và bồi thường thiệt hại” và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt và phần bồi thường thiệt hại. Ngày 07/5/2018 các bị cáo Phan Văn Đ, Phan Văn V có đơn kháng cáo bổ sung, với nội dung kháng cáo xin được hưởng án treo vì sau khi có kháng cáo các bị cáo đã nộp số tiền bồi thường theo bản án sơ thẩm vào cơ quan chi cục thi hành án dân sự huyện P để bồi thường cho bị hại, nay rút kháng cáo phần bồi thường dân sự.

Ngày 20/4/2018, các bị cáo Phan Văn A, Phan Văn Z, Long Văn T, Long Văn Th có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét định giá lại giá trị tài sản.

Ngày 23/4/2018, các bị cáo Phan Văn A, Phan Văn Z, Long Văn T, Long Văn Th có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giảm phần bồi thường thiệt hại.

Ngày 25/5/2018, các bị cáo Phan Văn A, Phan Văn Z, Long Văn T, Long Văn Th có đơn xin rút toàn bộ nội dung kháng cáo vì các bị cáo đã bồi thường xong số tiền cho bị hại.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Phan Văn Đ, Phan Văn V thừa nhận bản án số 08/2018/HS-ST ngày 11 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện P xét xử các bị cáo về tội Hủy hoại tài sản là đúng người, đúng tội, không oan. Sau khi có đơn kháng cáo các bị cáo nộp số tiền bồi thường theo bản án sơ thẩm vào cơ quan Chi cục thi hành án dân sự huyện P để bồi thường cho bị hại Lương Thị D1, các bị cáo đã thật sự ăn năn về hành vi phạm tội, gấp gờ xin lỗi bị hại, Tòa cấp sơ thẩm tuyên bị cáo Phan Văn Đ 15 tháng tù, bị cáo Phan Văn V 12 tháng tù là quá nặng. Các bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo về hình phạt xin hưởng án treo, rút yêu cầu kháng cáo về phần bồi thường dân sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị hại trình bày: Sau khi xét xử sơ thẩm bị hại không kháng cáo bản án sơ thẩm, nay bị hại nhất trí với mức án và phần bồi thường không có ý kiến gì, về kháng cáo của các bị cáo đề nghị Tòa xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án như sau: Về tội danh án sơ thẩm đã xét xử đúng người, đúng tội, tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với các bị cáo Phan Văn Đ và Phan Văn V là không chính xác. Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 07/5/2018, bà Mông Thị N là vợ của bị cáo Phan Văn V đã thay mặt các bị cáo nộp số tiền phải bồi thường cho bị hại Lương Thị D1 là 24.478.200 đồng và các bị cáo cũng đã tự nguyện rút kháng cáo về phần bồi thường thiệt hại. Do vậy, cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả quy định tại điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 cho các bị cáo Phan Văn Đ và Phan Văn V.

Ngày 25/5/2018, các bị cáo Phan Văn A, Phan Văn Z, Long Văn T, Long Văn Th có đơn xin rút toàn bộ kháng cáo nên cần đình chỉ yêu cầu kháng cáo của các bị cáo, quyết định của bản án số 08/2018/HS-ST ngày 11 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Cao Bằng đối với các bị cáo trên đã có hiệu lực nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Đối với kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo thấy nhân thân các bị cáo không có tiền án, tiền sự, các bị cáo sống ở vùng kinh tế khó khăn, các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phan Văn Đ và Phan Văn V, sửa một phần bản án sơ thẩm giữ nguyên hình phạt nhưng cho các bị cáo được hưởng án treo.

Áp dụng khoản 1 Điều 143; điểm b, h, p khoản 1 Điều 46; Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999:

- Xử phạt: Phan Văn Đ 15 (mười năm) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 (Ba mươi) tháng.

- Xử phạt: Phan Văn V 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (Hai mươi tư) tháng.

Thời gian thử thách của các bị cáo được tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao các bị cáo Phan Văn A, Phan Văn V cho Ủy ban nhân dân xã ĐS, huyện P, tỉnh Cao Bằng phối hợp cùng gia đình giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt.

Luật sư Nguyễn Thị T1 trình bày: Nhất trí với lời trình bày quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng về yêu cầu kháng cáo của các bị cáo. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo về tội danh trên là đúng người, đúng tội. Về kháng cáo xin hưởng án treo: Án sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho cả 02 bị cáo tại điểm h, p Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ,

sau khi có đơn kháng cáo các bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền vào cơ quan Chi cục thi hành án dân sự để bồi thường cho bị hại; về tình tiết tăng nặng áp dụng tình tiết “phạm tội vì động cơ đê hèn” quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999 là không chính xác. Các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, các bị cáo có đủ điều kiện để hưởng án treo; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, cho các bị cáo được hưởng án treo.

Tại phần tranh luận, các bị cáo nhất trí với lời bào chữa của luật sư, không có ý kiến đối đáp lại quan điểm giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng.

Bị hại không có ý kiến gì về phần tranh luận.

Khi được nói lời sau cùng, các bị cáo tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải và đề nghị được xem xét giảm án, được hưởng án treo để có cơ hội chuộc lại sai lầm của bản thân.

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện lời khai của các bị cáo, quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về thủ tục tố tụng: Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo có đơn kháng cáo, đơn kháng cáo của các bị cáo trong hạn luật định và thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[1]. Tại giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm các bị cáo Phan Văn Đ, Phan Văn V, Phan Văn A, Phan Văn Z, Long Văn T, Long Văn Th khai nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo phù hợp với các chứng cứ, tài liệu đã được thu thập hợp lệ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định:

Do trước đây Phan Văn Đ và Lương Thị S (là chị gái của Lương Thị D1) có quan hệ nam nữ bất chính và Đ có cho S vay một số tiền, nay mối quan hệ đó đã chấm dứt, Đ đòi lại tiền nhưng S không trả nên nảy sinh ý định đi chặt phá mía của chị Lương Thị D1 mục đích để trả thù chị S. Khoảng 19 giờ 30 phút, ngày 01/10/2017 Phan Văn Đ rủ Phan Văn V, Phan Văn A, Phan Văn Z, Long Văn T và Long Văn Th đi chặt phá mía của chị Lương Thị D1; các bị cáo đều nhất trí và mỗi người cầm theo 01 con dao đi đến 02 đám ruộng mía có tên C.O và TS của chị Lương Thị D1 thuộc Xóm B, xã ĐS, huyện P để chặt phá. Sau khi chặt phá xong các bị cáo quay về nhà V ngồi uống rượu, sau đó giải tán đi về nhà. Khoảng 06 giờ 30 phút ngày 02/10/2017, chị Lương Thị D1 đến đám mía C.O để lấy cỏ cho trâu thì phát hiện đám mía của mình đã bị chặt phá hoàn toàn

nên đã gửi đơn trình báo cho chính quyền địa phương và Công an huyện P.

Tại biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 02/10/2017 thể hiện: Đám mía C.O có tổng diện tích 1.240m^2 bị chặt phá hoàn toàn, vết chặt của các cây có chiều hướng từ trên xuống dưới, thân đổ về nhiều hướng khác nhau; độ cao trung bình từ vết chặt đến mặt đất là 0,9m; đường kính trung bình của cây mía có kích thước là 2,55cm; trọng lượng trung bình của cây mía (bỏ ngọn) là: 1kg; bình quân 1m^2 trồng 15 hốc mía.

Tại biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 03/10/2017 thể hiện: Đám mía có tên gọi TS có tổng diện tích là: $2.537,5\text{m}^2$; đám mía đã bị chặt phá gần như hoàn toàn, vết chặt các cây mía có chiều hướng từ trên xuống dưới có chiều hướng vào nhau, chiều cao trung bình của các cây mía đã cắt ngọn có kích thước là: 0,11m; trọng lượng trung bình của 01 hốc mía trừ ngọn: 10kg; độ cao trung bình từ vết chặt đến mặt đất có kích thước: 0,9m; trung bình mỗi hốc mía có: 07 cây mía; bình quân 1m^2 trồng 04 hốc mía.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 17/KL-ĐG ngày 05/12/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện P kết luận: Cả 02 đám ruộng mía của chị Lương Thị D1 có tổng diện tích là $3.777,5\text{m}^2$ x 06 tấn = 22,665kg x 1.080đ = 24.478.200đ.

Hành vi của các bị cáo Phan Văn Đ, Phan Văn V, Phan Văn A, Phan Văn Z, Long Văn T, Long Văn Th là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền được pháp luật bảo vệ về sở hữu tài sản, gây mất trật tự trị an tại địa phương và gây bức xúc trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý, hành vi bị cáo đã gây thiệt hại về kinh tế cho bị hại Lương Thị D1 là 24.478.200 đồng. Hành vi của các bị cáo thỏa mãn các yếu tố cấu thành tội “Hủy hoại tài sản”.

Đây là vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, bị cáo Phan Văn Đ là người khởi xướng, rủ rê và trực tiếp cùng các bị cáo Phan Văn V, Phan Văn A, Phan Văn Z, Long Văn T và Long Văn Th trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo về tội “Hủy hoại tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 143 Bộ luật hình sự năm 1999, với mức hình phạt đã tuyên là đúng người, đúng tội, không oan và tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội, vai trò của các bị cáo trong vụ án.

[2]. Xét kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo Phan Văn Đ và Phan Văn V thấy rằng: Các bị cáo đều là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên án sơ thẩm cho các bị cáo Phan Văn Đ, Phan Văn V hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ là “*thành khẩn khai báo*” và “*phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*” quy định tại điểm h, p khoản 1 Điều 46 năm 1999 là có căn cứ.

Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo đã chủ động nộp số tiền 24.478.200 đồng vào Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Cao Bằng theo các biên lai số AA/2011/XXX ngày 07/5/2018 để bồi thường cho bị hại, do vậy các bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.

Với hành vi phạm tội của các bị cáo Phan Văn Đ và Phan Văn V, Bản án sơ thẩm áp dụng tình tiết tăng nặng “phạm tội vì động cơ đê hèn” quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với các bị cáo là chưa chính xác.

Xét thấy các bị cáo Phan Văn Đ và Phan Văn V có nhân thân tốt, thật thà khai báo, sống ở vùng kinh tế khó khăn, trình độ học vấn thấp, đối với bị cáo Đ mù chữ, các bị cáo được hưởng 3 tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, có thái độ ăn năn, hối cải, các bị cáo có khả năng tự cải tạo và nếu không bắt đi chấp hành hình phạt tù thì cũng không gây ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm ở địa phương. Ngoài ra, việc cho các bị cáo được hưởng án treo còn thể hiện rõ chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật nước ta. Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa và Luật sư bào chữa cho các bị cáo cũng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, cho các bị cáo hưởng án treo; xét thấy đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát và luật sư bào chữa cho các bị cáo là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử. Do vậy cần chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, sửa một phần bản án sơ thẩm, cho các bị cáo Phan Văn Đ, Phan Văn V được hưởng án treo.

[3]. Về trách nhiệm dân sự: Sau khi xét xử sơ thẩm các bị cáo Phan Văn Đ, Phan Văn V, Phan Văn A, Phan Văn Z, Long Văn T và Long Văn Th đều kháng cáo xem xét giảm nhẹ phần bồi thường. Đến ngày 07/5/2018 các bị cáo đã nộp số tiền theo như bản án sơ thẩm tuyên vào cơ quan Chi cục thi hành án dân sự huyện P để bồi thường cho bị hại và các bị cáo đã có đơn rút kháng cáo về phần bồi thường dân sự, do vậy đình chỉ xét xử phúc thẩm về yêu cầu cầu kháng cáo của các bị cáo Phan Văn Đ, Phan Văn V, Phan Văn A, Phan Văn Z, Long Văn T, Long Văn Th về phần bồi thường thiệt hại. Do phần bồi thường thiệt hại các bị cáo đã bồi thường xong và tại phiên tòa phúc thẩm bị hại cũng nhất trí với việc bồi thường của các bị cáo, do vậy cần sửa phần trách nhiệm dân sự của bản án sơ thẩm.

[4]. Về án phí: Theo bản án sơ thẩm các bị cáo mỗi người phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm để xung công quỹ nhà nước; sau khi xét xử sơ thẩm các bị cáo đã thực hiện việc bồi thường dân sự và nộp án phí hình sự, án phí dân sự theo án sơ thẩm đã tuyên mỗi bị cáo là 500.000đ để xung công quỹ nhà nước. Do vậy cần ghi nhận sự tự nguyện của các bị cáo về án phí dân sự sơ thẩm đã nộp và xác nhận các bị cáo đã nộp số tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự 2015:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm về yêu cầu cầu kháng cáo của các bị cáo Phan Văn Đ, Phan Văn V, Phan Văn A, Phan Văn Z, Long Văn T, Long Văn Th về phần bồi thường thiệt hại.

2. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phan Văn Đ và Phan Văn V; sửa một phần bản án sơ thẩm số: 18/2018/HS-ST ngày 11 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện P tỉnh Cao Bằng về hình phạt.

Áp dụng khoản 1 Điều 143; điểm b, h, p khoản 1 Điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với các bị cáo Phan Văn Đ và Phan Văn V. Xử phạt:

+ Phan Văn Đ 15 (mười năm) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 (Ba mươi) tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm ngày 30/5/2018.

+ Phan Văn V 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (Hai mươi tư) tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm ngày 30/5/2018.

Giao các bị cáo Phan Văn Đ, Phan Văn V cho Ủy ban nhân dân xã ĐS, huyện P, tỉnh Cao Bằng phối hợp cùng gia đình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

3. Về phần bồi thường thiệt hại: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự 2015; các Điều Điều 585, Điều 587, Điều 598 Bộ luật dân sự.

Buộc các bị cáo Phan Văn Đ, Phan Văn V, Phan Văn A, Phan Văn Z, Long Văn T, Long Văn Th phải liên đới bồi thường thiệt hại 02 đám ruộng mía cho chị Lương Thị D1 trú tại Xóm B, xã ĐS, huyện P, tỉnh Cao Bằng số tiền là 24.478.200đ (hai mươi bốn triệu bốn trăm bảy mươi tám nghìn hai trăm nghìn đồng). Cụ thể từng bị cáo phải chịu như sau:

- Phan Văn Đ: 5.000.000 đồng.
- Phan Văn V: 5.000.000 đồng.
- Phan Văn A: 3.619.500 đồng.
- Phan Văn Z: 3.619.500 đồng.
- Long Văn T: 3.619.500 đồng.
- Long Văn Th: 3.619.500 đồng.

Xác nhận các bị cáo đã nộp số tiền 24.478.200đ (Hai mươi bốn triệu bốn trăm bảy mươi tám nghìn hai trăm đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Cao Bằng theo biên lai số AA/2011/XXX ngày 07/5/2018 do bà Mông Thị

N (vợ bị cáo Phan Văn V) A diện nộp tiền. Nay số tiền này sẽ được hoàn trả cho bị hại Lương Thị D1.

4. Về án phí: Các bị cáo Phan Văn Đ và Phan Văn V không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Xác nhận các bị cáo Phan Văn Đ, Phan Văn V, Phan Văn A, Phan Văn Z, Long Văn T và Long Văn Th đã nộp án phí hình sự sơ thẩm 200.000đ và tự nguyện nộp án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ tại cơ quan Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Cao Bằng theo biên lai thu tiền số AA/2011/01244 ngày 07/5/2018, biên lai số AA/2011/01245 ngày 07/5/2018, biên lai số AA/2011/01246 ngày 07/5/2018, biên lai số AA/2011/01247 ngày 07/5/2018, biên lai số AA/2011/01248 ngày 07/5/2018, biên lai số AA/2011/01249 ngày 07/5/2018.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- TAND huyện P, tỉnh CB ;
- VKSND huyện P, tỉnh CB;
- Công an huyện P, tỉnh CB;
- Chi cục THADS huyện P, tỉnh CB;
- STP tỉnh CB;
- Phòng KTNV và THAHS;
- UBND xã ĐS;
- Các bị cáo, người bào chữa;
- Lưu THS;
- Lưu HS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nông Biên Hòa